

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2020

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Hoàn

Các hội thẩm dân nhân: Ông Đỗ Đức Hùng

Ông Nguyễn Đăng Thúy.

Thư ký phiên toà: Bà Đàm Thu Hương - Thư ký tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn tham gia phiên toà:

Bà Trần Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1984.

HKTT: Yên Dưỡng, Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Chu Bá Q, sinh 1983.

HKTT: Khu phố Yên Lã 2, phường Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện ở: Khu phố Yên Lã 1, phường Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo tại tòa án, nguyên đơn là Chị T trình bày: Chị kết hôn với anh Chu Bá Q vào tháng 11/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Hồng. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu thời gian ngắn, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nhưng anh chị chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục nên chị chưa về chung sống với anh Q ngày nào. Anh Q trước đó đã có vợ và 02 con nhưng đã ly hôn, hiện anh Q đang thuê phòng trọ tại khu phố Yên Lã I, phường Tân Hồng sống cùng hai con. Anh Q có vay tiền chị để làm ăn nhưng không nói làm gì nên hai bên xảy ra cãi nhau, anh Q không đi làm gì. Hiện tại chị đã về quê tại Quảng Ninh sinh sống và xác định không còn tình cảm gì với anh Q, yêu cầu được ly hôn anh Q.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Q trình bày: Anh xác nhận lời trình bày của Chị T về điều kiện, thời điểm kết hôn là đúng và vẫn chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, Chị T và anh chung sống với nhau tại khu phố Yên Lã 1, phường Tân Hồng tại phòng trọ của anh. Quá trình chung sống, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, Chị T muốn về Quảng Ninh làm ăn nhưng anh chưa đồng ý. Ngày 07/5/2020, Chị T đã bỏ về Quảng Ninh sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Anh không đồng ý ly hôn với Chị T vì thấy mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn nhưng nếu Chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh nhất trí.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của bị đơn chưa đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T.

Xử: cho Chị T được ly hôn với anh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Bị đơn là anh Q đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điều 227; điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

Chị Thanh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh Chu Bá Q. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp ly hôn”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Q có Hộ khẩu thường trú và cư trú tại phường Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

{2} Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Chu Bá Q đã tuân thủ các quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, theo Chị T thì vợ chồng chưa về chung sống với nhau ngày nào vì chưa tổ chức lễ cưới thì đã phát sinh mâu thuẫn do anh Q vay tiền chị để làm ăn nhưng không nói là làm gì nên hai bên xảy ra cãi cọ, chị đã về Quảng Ninh sinh sống cho đến nay. Theo anh Q thì vợ chồng có về chung sống với nhau tại phòng trọ của anh Q và có phát sinh mâu thuẫn do Chị T muốn về quê ở Quảng Ninh làm ăn nhưng anh chưa đồng ý nhưng Chị T vẫn bỏ về Quảng Ninh sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ 07/5/2020 cho đến giờ.

Anh không đồng ý ly hôn nhưng nếu Chị T kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Qua đó, cho thấy có căn cứ để xác định vợ chồng Chị T, anh Q đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho Chị T được ly hôn với anh Q là phù hợp quy định của pháp luật.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 235, 238, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T

Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Chu Bá Q.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: không xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền Chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0003518 ngày 04/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Từ Sơn;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Tân Hồng,
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Hoàn

